

BÀI 7: QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Khái niệm và đặc điểm

1.1 Khái niệm

Quy phạm pháp luật: là quy tắc xử sự chung do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và bảo đảm thực hiện, thể hiện ý chí và lợi ích của nhân dân lao động, nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội.

1.2 Đặc điểm

Các đặc điểm riêng của quy phạm pháp luật:

- Do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận.
- Được nhà nước bảo đảm thực hiện.
- Mang tính bắt buộc chung.
- Nội dung của quy phạm pháp luật thể hiện hai mặt cho phép và bắt buộc.

2. Cơ cấu của quy phạm pháp luật

2.1 Giả định

2.1.1 Khái niệm giả định: là một bộ phận của quy phạm pháp luật nêu lên những điều kiện, hoàn cảnh (thời gian, địa điểm...) có thể xảy ra trong thực tế cuộc sống và cá nhân hay tổ chức khi ở vào những hoàn cảnh, điều kiện đó phải chịu sự tác động của quy phạm pháp luật.

2.1.2 Vai trò của giả định: xác định phạm vi tác động của pháp luật.

2.1.3 Yêu cầu: hoàn cảnh, điều kiện nêu trong phần giả định phải rõ ràng, chính xác, sát với thực tế.

2.1.4 Cách xác định: trả lời cho câu hỏi chủ thể nào? Trong hoàn cảnh, điều kiện nào?

2.1.5 Phân loại: căn cứ vào số lượng hoàn cảnh, điều kiện, giả định được chia thành hai loại.

-Giả định giản đơn: chỉ nêu lên một hoàn cảnh, điều kiện.

-Giả định phức tạp: nêu lên nhiều hoàn cảnh, điều kiện.

2.2 Quy định

2.2.1 Khái niệm quy định: là bộ phận của quy phạm pháp luật, trong đó nêu lên cách thức xử sự mà cá nhân hay tổ chức ở vào hoàn cảnh, điều kiện đã nêu trong bộ phận giả định được phép hoặc buộc phải thực hiện. Bộ phận quy định của pháp luật chứa đựng mệnh lệnh của nhà nước.

2.2.2 *Vai trò*: mô hình hoá ý chí của Nhà nước, cụ thể hoá cách thức xử của các chủ thể khi tham gia quan hệ pháp luật.

2.2.3 *Yêu cầu*: mức độ chính xác, rõ ràng, chặt chẽ của bộ phận quy định là một trong những điều kiện bảo đảm nguyên tắc pháp chế.

2.2.4 *Cách xác định*: trả lời cho câu hỏi chủ thể sẽ làm gì và như thế nào?

2.2.5 *Phân loại*: căn cứ vào mệnh lệnh được nêu trong trong bộ phận quy định, có hai loại quy định.

-Quy định dứt khoát: chỉ nêu một cách xử sự và các chủ thể buộc phải xử sự theo mà không có sự lựa chọn.

-Quy định không dứt khoát: nêu ra hai hoặc nhiều cách xử sự và cho phép các tổ chức hoặc cá nhân có thể lựa chọn cách xử sự.

2.3 Chế tài

2.3.1 *Khái niệm*: là một bộ phận của quy phạm pháp luật, nêu lên biện pháp tác động mà Nhà nước dự kiến áp dụng đối với cá nhân hay tổ chức nào không thực hiện đúng mệnh lệnh của Nhà nước đã nêu ở bộ phận quy định của quy phạm pháp luật.

2.3.2 *Vai trò*: nhằm bảo đảm cho pháp luật được thực hiện nghiêm minh.

2.3.3 *Yêu cầu*: biện pháp tác động phải tương xứng với mức độ, tính chất của hành vi vi phạm.

2.3.4 *Các xác định*: trả lời câu hỏi chủ thể phải chịu hậu quả gì nếu không thực hiện đúng quy định của quy phạm pháp luật.

2.3.5 *Phân loại*: căn cứ vào khả năng lựa chọn biện pháp áp dụng, mức áp dụng, có 2 loại:

-Chế tài cố định: chỉ nêu một biện pháp chế tài và một mức áp dụng.

-Chế tài không cố định: nêu lên nhiều biện pháp chế tài, hoặc một biện pháp nhưng nhiều mức để chủ thể có thể lựa chọn.

Ngoài ra, căn cứ vào tính chất và thẩm quyền áp dụng, chế tài được chia thành 4 loại:

-Chế tài hình sự.

-Chế tài hành chính.

-Chế tài dân sự.

-Chế tài kỷ luật.

3. Phân loại các quy phạm pháp luật

3.1 Căn cứ vào đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, quy phạm pháp luật có thể phân chia theo các ngành luật, cụ thể:

- Quy phạm pháp luật hình sự.
- Quy phạm pháp luật dân sự.
- Quy phạm pháp luật hành chính...

3.2 Căn cứ vào nội dung của quy phạm pháp luật có thể chia thành:

- Quy phạm pháp luật định nghĩa: là quy phạm có nội dung giải thích, xác định một vấn đề nào đó hay nêu lên một khái niệm pháp lý.
- Quy phạm pháp luật điều chỉnh: là quy phạm có nội dung trực tiếp điều chỉnh hành vi của con người hay hoạt động của các tổ chức.
- Quy phạm pháp luật bảo vệ: là quy phạm có nội dung xác định các biện pháp cưỡng chế nhà nước liên quan đến trách nhiệm pháp lý.

3.3 Căn cứ vào hình thức mệnh lệnh nêu trong quy phạm pháp luật có thể phân chia thành:

- Quy phạm pháp luật dứt khoát: là những quy phạm trong đó chỉ quy định một cách xử sự rõ ràng, dứt khoát.
- Quy phạm pháp luật không dứt khoát: là quy phạm trong đó nêu ra nhiều cách xử sự và cho phép chủ thể lựa chọn một cách xử sự đã nêu.
- Quy phạm pháp luật tùy nghi: là quy phạm trong đó cho phép các chủ thể tự quy định cách xử sự của mình.
- Quy phạm pháp luật hướng dẫn: là quy phạm trong đó nội dung thường khuyến khích, hướng dẫn các chủ thể tự giải quyết một số công việc nhất định.

4. Một số phương thức thể hiện chủ yếu của quy phạm pháp luật

4.1 Quy phạm thể hiện theo cơ cấu ba bộ phận

- Trật tự các bộ phận trong quy phạm có thể thay đổi
- Một quy phạm pháp luật có thể không có đầy đủ ba bộ phận
- Các bộ phận có mối liên hệ chặt chẽ về nội dung

4.2 Quy phạm thể hiện trong điều luật

- Một quy phạm có thể được trình bày trong một điều luật
- Trong một điều luật có thể có nhiều quy phạm
- Một điều luật có thể khái quát một nội dung giống nhau của các quy phạm

4.3 Quy phạm thể hiện theo nội dung

- Thể hiện trực tiếp: Nội dung được thể hiện trực tiếp trong quy phạm
- Thể hiện viện dẫn: Nội dung được viện dẫn từ điều luật khác
- Thể hiện mẫu: Nội dung được viện dẫn từ luật khác